

## PHỤ LỤC 4

### DANH MỤC ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ VÀ CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN NĂM 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Stt	Danh mục dự án/Công trình	Tên đô thị trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố	Loại đô thị	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Dự kiến kinh phí (Tỷ đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I. Thành phố Quy Nhơn:</b>			<b>I</b>	<b>486.658</b>	<b>225,06</b>			
1	Đầu tư Xây dựng khu lâm viên và chỉnh trang KV núi Bà Hòa			122.817	77,37	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp khác	2026-2030	
2	Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01), P. Nhơn Bình	Phường Nhơn Bình		54.699	34,46	Nhà đầu tư	2026-2030	
3	Khu đô thị Nam đường Hùng Vương, P. Nhơn Phú	Phường Nhơn Phú		39.533	24,91	Nhà đầu tư	2026-2030	
4	Đầu tư Xây dựng Hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa tại KDC KV4, phường Trần Quang Diệu	Phường Trần Quang Diệu		48.359	30,47	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp khác	2026-2030	
5	Khu dân cư KV1-4 Đống Đa	Phường Đống Đa		20.592	12,97	nt	2026-2030	
6	Khu đất phía Tây trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú	Phường Nhơn Phú		11.740	7,40	nt	2026-2030	
7	Công viên cây xanh công viên trung tâm xã Nhơn Lý	xã Nhơn Lý		43.000	27,07		2026-2030	
8	Đầu tư nâng cấp các hoa viên, công viên Khu vực nội thành			6.946	11,08	nt	2026-2030	
9	Đầu tư xây dựng các hoa viên, công viên mới	Nhơn Bình, Thị Nại, Gành Ráng, Quang Trung, Nhơn Hải, Nhơn Lý		40.544,5	14,69	nt	2026-2030	
10	Khu Đô thị - Du lịch – Văn hóa – Thể thao hồ Phú Hòa	Phường Quang Trung		98.428	62,01	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>II. Thị Xã An Nhơn:</b>			<b>III</b>	<b>71.740</b>	<b>108,55</b>			
1	Khu dân cư Nam công viên bán ngập hành lang thoát lũ cầu Cẩm Tiên 2, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	Phường Nhơn Hưng		6.420	2,89	Ngân sách thị xã	2026-2030	
2	Khu đô thị Nhơn Thành 1	Phường Nhơn Thành		14.400	6,48	nt	2026-2030	
3	Khu đô thị Nhơn Thành 2	Phường Nhơn Thành		15.000	6,75	nt	2026-2030	
4	Khu dân cư - dịch vụ Ngãi Chánh	Xã Nhơn Hậu		12.900	5,81	nt	2026-2030	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Khu dân cư tiếp giáp phía Bắc khu dân cư thương mại dịch vụ An Nhơn	Phường Nhơn Hưng		4.920	2,21	nt	2026-2030	
6	Khu dân cư An Lộc, phường Nhơn Hòa	Phường Nhơn Hòa		3.180	1,43	Ngân sách xã/phường	2026-2030	
7	Khu đô thị dịch vụ - thương mại phía Tây tuyến tránh QL1	Xã Nhơn An		3.960	1,78	Nhà đầu tư	2026-2030	
8	Khu công viên cây xanh kết hợp hành lang thoát lũ Cẩm Tiên 2, phường Nhơn Hưng	Phường Nhơn Hưng		7.700	46,20	Ngân sách thị xã+Nhà đầu tư (50/50)	2026-2030	
9	Hoa viên đường tàu, đường hoa	Phường Bình Định		3.260	35,00			
<b>III. Thị Xã Hoài Nhơn:</b>			<b>III</b>	<b>500.300</b>	<b>41,25</b>			
1	Công viên chuyên đề tại khu phố Giao Hội 2, phường Hoài Tân	Phường Hoài Tân		156.000	7,50	Ngân sách thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Công Viên bán ngập dọc sông Lại Giang (Giai đoạn 2)	Phường Bồng Sơn		71.200	12,50	nt	2026-2030	
3	Hệ thống Công viên dọc sông Cạn	Tại Thị xã		162.600	12,50	Nhà đầu tư	2026-2030	
4	Các công viên cây xanh trong các khu dân cư, khu đô thị mới	Tại Thị xã		110.500	8,75	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>IV. Huyện Tây Sơn:</b>			<b>IV</b>	<b>385.546</b>	<b>28,88</b>			
1	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu đô thị phía Nam Quốc lộ 19, thị trấn Phú Phong			77.900,0	9,3	Nhà đầu tư	2026 - 2030	
2	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu dân cư Phía Bắc đường Hùng Vương			11.300,00	1,1	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2030	
3	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu đô thị thương mại dịch vụ Tây Xuân			20.000,00	1,4	Nhà đầu tư	2026 - 2030	
4	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu tập golf kết hợp du lịch sinh thái Tây Sơn tại xã Tây Phú			40.000,00	3,4	Nhà đầu tư	2026 - 2030	
5	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu dân cư Phú An, xã Tây Xuân			5.300,0	0,5	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2030	
6	Đầu tư hệ thống cây xanh Khu dân cư Phú Thịnh, xã Tây Phú			6.046,0	0,5	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2030	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Đầu tư hệ thống công viên công cộng (giai đoạn 2026 - 2030)			175.000,0	9,8	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2030	
8	Đầu tư hệ thống cây xanh dọc theo sông Kôn (giai đoạn 2026 - 2030)			20.000,00	1,1	nt	2026 - 2030	
9	Đầu tư hệ thống cây xanh dọc theo sông Kut (giai đoạn 2026 - 2030)			10.000,00	0,6	nt	2026 - 2030	
10	Đầu tư hệ thống cây xanh trong các khu du lịch, di tích lịch sử (giai đoạn 2026 - 2030)			20.000,00	1,1	nt	2026 - 2030	
<b>V. Huyện Phù Mỹ:</b>				<b>402.200</b>	<b>44,96</b>			
<b>5.1</b>	<b>Thị trấn Phù Mỹ:</b>		<b>V</b>	<b>135.600</b>	<b>11,93</b>			
1	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các KDC đô thị có QHCT được duyệt	Thị trấn Phù Mỹ		45.000	3,600	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2027 - 2028	
2	Đầu tư xây dựng khu công viên cây xanh tại KP Trà Quang Nam	Thị trấn Phù Mỹ		27.000	2,160	nt	2029 - 2030	
3	Đầu tư xây dựng khu công viên cây xanh tại KP Diêm Tiêu	Thị trấn Phù Mỹ		9.600	0,768	nt	2029 - 2030	
4	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại KĐT Trà Quang Nam	Thị trấn Phù Mỹ		54.000	5,400	Nhà đầu tư	2026 - 2027	
<b>5.2</b>	<b>Thị trấn Bình Dương:</b>		<b>V</b>	<b>38.200</b>	<b>4,18</b>			
1	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các KDC đô thị có QHCT được duyệt	Thị trấn Bình Dương		20.000	2,000	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2027 - 2028	
2	Xây dựng khu công viên cây xanh phía Nam thị trấn Bình Dương	Thị trấn Bình Dương		18.200	2,184	nt	2026 - 2027	
<b>5.3</b>	<b>Xã Mỹ Chánh:</b>		<b>V</b>	<b>77.900</b>	<b>9,35</b>			
1	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các KDC đô thị có QHCT được duyệt	Xã Mỹ Chánh		40.000	4,800	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2027 - 2028	
2	Xây dựng khu công viên cây xanh cảnh quan dọc sông Bến Trẽ	Xã Mỹ Chánh		20.000	2,400	nt	2028 - 2029	
3	Xây dựng mới khu sân vận động kết hợp công viên cây xanh TDTT	Xã Mỹ Chánh		17.900	2,148	nt	2029 - 2030	
<b>5.4</b>	<b>Xã Mỹ Thành:</b>		<b>V</b>	<b>60.000</b>	<b>8,20</b>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đầu tư, phát triển cây xanh dọc các tuyến đường nội thị	Xã Mỹ Thành		5.000	0,400	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2027	
2	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các KDC đô thị có QHCT được duyệt	Xã Mỹ Thành		15.000	1,800	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2027 - 2028	
3	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các khu đô thị nghỉ dưỡng kết hợp du lịch sinh thái biển	Xã Mỹ Thành		40.000	6,000	Nhà đầu tư	2028 - 2029	
<b>5.5</b>	<b>Xã Mỹ An:</b>		<b>V</b>	<b>90.500</b>	<b>11,30</b>			
1	Đầu tư phát triển cây xanh, công viên khu trung tâm đô thị Mỹ An	Xã Mỹ An		10.000	1,200	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2029 - 2030	
2	Đầu tư cây xanh cảnh quan, khu công viên tại các KDC đô thị có QHCT được duyệt	Xã Mỹ An		20.000	2,400	nt	2029 - 2030	
3	Đầu tư cây xanh, thảm cỏ tại đảo giao thông	Xã Mỹ An		500	0,500	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	2029	
4	Đầu tư cây xanh cảnh quan tại KCN Phù Mỹ và Khu bến Phù Mỹ	Xã Mỹ An		60.000	7,200	Nhà đầu tư	2028 - 2029	
<b>VI. Huyện Phù Cát:</b>				<b>258.400</b>	<b>38,77</b>			
<b>6.1</b>	<b>Thị trấn Ngô Mỹ:</b>		<b>V</b>	<b>56.700</b>	<b>8,50</b>			
1	Xây dựng Quảng trường Ngô Mỹ	Thị trấn Ngô Mỹ		20.000	3,00	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2028	
2	Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường thị trấn Ngô Mỹ	Thị trấn Ngô Mỹ		8.000	1,20	nt	2026-2030	
	Diện tích phần cây xanh hạn chế, chuyên dụng dự kiến được đầu tư từ các tổ chức, cá nhân quản lý, không thuộc diện tích đầu tư của nhà nước	Thị trấn Ngô Mỹ		28.700	4,30	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>6.2</b>	<b>Thị trấn Cát Tiến:</b>		<b>V</b>	<b>51.300</b>	<b>7,70</b>			
1	Xây dựng hạ tầng Khu đô thị Cát Tiến	Thị trấn Cát Tiến		8.800	1,32	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026- 2029	
2	Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường thị trấn Cát Tiến	Thị trấn Cát Tiến		10.000	1,50	nt	2026 - 2028	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Xây dựng công viên trung tâm Cát Tiến	Thị trấn Cát Tiến		29.000	4,35	nt	2028-2030	
4	Diện tích phần cây xanh hạn chế, chuyên dụng dự kiến được đầu tư từ các tổ chức, cá nhân quản lý, không thuộc diện tích đầu tư của nhà nước	Thị trấn Cát Tiến		3.500	0,53	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>6.3</b>	<b>Xã Cát Khánh:</b>		<b>V</b>	<b>48.300</b>	<b>7,25</b>			
1	Xây dựng hạ tầng Khu đô thị Cát Khánh	Xã Cát Khánh		25.000	3,75	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2028	
2	Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường thị trấn Cát Khánh	Xã Cát Khánh		4.000	0,60	nt	2026 - 2028	
3	Diện tích phần cây xanh hạn chế, chuyên dụng dự kiến được đầu tư từ các tổ chức, cá nhân quản lý, không thuộc diện tích đầu tư của nhà nước	Xã Cát Khánh		19.300	2,90	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>6.4</b>	<b>Xã Cát Hanh:</b>		<b>V</b>	<b>102.100</b>	<b>15,32</b>			
1	Xây dựng hạ tầng Khu đô thị Cát Hanh	Xã Cát Hanh		25.000	3,75	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2027- 2030	
2	Hệ thống cây xanh dọc các tuyến đường đô thị Cát Hanh	Xã Cát Hanh		30.100	4,52	nt	2026 - 2030	
3	Xây dựng Công viên trung tâm đô thị Cát Hanh	Xã Cát Hanh		35.000	5,25	nt	2028- 2030	
4	Diện tích phần cây xanh hạn chế, chuyên dụng dự kiến được đầu tư từ các tổ chức, cá nhân quản lý, không thuộc diện tích đầu tư của nhà nước			12.000	1,80	Nhà đầu tư	2026-2030	
<b>VII. Huyện Tuy Phước:</b>			<b>IV</b>	<b>332.343</b>	<b>33,23</b>			
<b>7.1</b>	<b>Thị trấn Diêu Trì:</b>		<b>IV</b>	<b>26.460</b>	<b>2,65</b>			
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Thị trấn Diêu Trì		14.500	1,45	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Công viên cây xanh Khu đô thị xanh Đông Bắc Diêu Trì, huyện Tuy Phước	Thị trấn Diêu Trì		11.960	1,20	nt	2026-2030	
<b>7.2</b>	<b>Thị trấn Tuy Phước:</b>		<b>IV</b>	<b>30.094</b>	<b>3,01</b>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Công viên cây xanh Khu dân cư thuộc khu phố Trung Tín 1 (vị trí 02), thị trấn Tuy Phước	Thị trấn Tuy Phước		12.960	1,30	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Thị trấn Tuy Phước		3.404	0,34	nt	2026-2030	
3	Công viên cây xanh Khu dân cư thuộc khu phố Trung Tín 1 (vị trí 01), thị trấn Tuy Phước	Thị trấn Tuy Phước		13.730	1,37	nt		
<b>7.3</b>	<b>Xã Phước Lộc:</b>		<b>IV</b>	<b>32.460</b>	<b>3,25</b>			
1	Cây xanh cách ly khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	Xã Phước Lộc		23.800	2,38	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Cây xanh cách ly khu QH Chính trang, nâng cấp khu trung tâm xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	Xã Phước Lộc		2.000	0,20	nt	2026-2030	
3	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Xã Phước Lộc		6.660	0,67	nt	2026-2030	
<b>7.4</b>	<b>Xã Phước Hòa:</b>			<b>6.040</b>	<b>0,60</b>			
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa theo Quy hoạch Trung tâm xã Phước Hoà và các đồ án quy hoạch mới	Xã Phước Hoà		6.040	0,60	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
<b>7.5</b>	<b>Xã Phước Sơn:</b>		<b>IV</b>	<b>45.630</b>	<b>4,56</b>			
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Xã Phước Sơn		45.630	4,56	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
<b>7.6</b>	<b>Xã Phước Thành:</b>			<b>39.974</b>	<b>4,00</b>			
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Xã Phước Thành		21.200	2,12	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Công viên cây xanh theo Quy hoạch Trung tâm xã Phước Thành	Xã Phước Thành		1.910	0,19	nt	2026-2030	
3	Cây xanh cách ly Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Bình An 1, xã Phước Thành phục vụ dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	Xã Phước Thành		1.697	0,17	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Dự án trồng cây bóng mát, cây trang trí tại các công trình công cộng trên địa bàn	Xã Phước Thành		990	0,10	nt	2026-2030	
5	Công viên cây xanh Các khu TĐC tại xã Phước Thành phục vụ dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	Xã Phước Thành		4.177	0,42	nt	2026-2030	
6	Dự án trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	Xã Phước Thành		10.000	1,00	nt	2026-2030	
<b>7.7</b>	<b>Xã Phước An:</b>		<b>IV</b>	<b>66.971</b>	<b>6,69</b>			
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Xã Phước An		23.010	2,30	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Cây xanh cách ly Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	Xã Phước An		24.790	2,48	nt	2026-2030	
3	Quy hoạch Trung tâm xã Phước An	Xã Phước An		2.440	0,24	nt	2026-2030	
4	Cây xanh cách ly Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	Xã Phước An		3110	0,31	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
5	Công viên cây xanh Khu TĐC tại xã Phước An phục vụ dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	Xã Phước An		3621	0,36	nt	2026-2030	
6	Dự án trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính liên xã.	Xã Phước An		10.000	1,00	nt	2026-2030	
<b>7.8</b>	<b>Xã Phước Thuận:</b>		<b>IV</b>	<b>75.834</b>	<b>7,58</b>			
1	Cây xanh cách ly Phân khu số 01 thuộc quy hoạch phân khu dọc Quốc lộ 19 mới.	Xã Phước Thuận		20.236	2,02	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Quy hoạch khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	Xã Phước Thuận		48.738	4,87	nt	2026-2030	
3	Công viên cây xanh Quy hoạch Trung tâm xã Phước Thuận	Xã Phước Thuận		6.860	0,69	nt	2026-2030	
<b>7.9</b>	<b>Xã Phước Nghĩa:</b>		<b>IV</b>	<b>8.880</b>	<b>0,89</b>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Dự án trồng cây xanh tại các công viên, vườn hoa quy hoạch mới	Xã Phước Nghĩa		6.800	0,68	Ngân sách huyện, xã, thị trấn và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Công viên cây xanh Quy hoạch Trung tâm xã Phước Nghĩa	Xã Phước Nghĩa		2.080	0,21	nt	2026-2030	
<b>VIII. Huyện Hoài Ân:</b>				<b>74.966</b>	<b>4,17</b>			
<b>8.1</b>	<b>Thị trấn Tăng Bạt Hổ:</b>		<b>V</b>	<b>29.851</b>	<b>1,65</b>			
1	Công viên khu dân cư Đồng Bàu Tách	Thị trấn Tăng Bạt Hổ		24.316	1,34	Ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Công viên khu dân cư Trạm điện đến Cầu Tự Lực	Thị trấn Tăng Bạt Hổ		5.535	0,31	nt	2026-2030	
<b>8.2</b>	<b>Xã Ân Tường Tây:</b>		<b>V</b>	<b>45.115</b>	<b>2,52</b>			
1	Công viên cây xanh KDC thị Tứ Tân Thạnh	Xã Ân Tường Tây		45.115	2,52	Ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
<b>IX. Huyện An Lão:</b>				<b>89.038</b>	<b>9,86</b>			
<b>9.1</b>	<b>Thị trấn An Lão:</b>		<b>V</b>	<b>31.038</b>	<b>0,72</b>			
1	Xây dựng công viên thị trấn An Lão	Thị trấn An Lão		6.038	0,72	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Trồng cây xanh các tuyến đường thị trấn An Lão	Thị trấn An Lão		25.000	0,72	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
<b>9.2</b>	<b>Xã An Hòa:</b>		<b>V</b>	<b>58.000</b>	<b>9,14</b>			
1	Đầu tư xây dựng công viên xã An Hòa	Xã An Hòa		22.000	3,96	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Trồng cây xanh các tuyến đường xã An Hoà	Xã An Hòa		36.000	5,18	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
<b>X. Huyện Vân Canh:</b>				<b>485.534</b>	<b>49,36</b>			



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>10.1</b>	<b>Thị trấn Vân Canh:</b>		<b>V</b>	<b>84.098</b>	<b>16,59</b>			
1	Trồng cây xanh các tuyến đường khu khu nhà truyền thống của huyện kết hợp dịch vụ	Thị trấn Vân Canh		1.750	0,32	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026	
2	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư dân cư địa bàn thị trấn	Thị trấn Vân Canh		10.750	1,98	nt	2026	
3	Xây dựng công viên khu dân cư địa bàn thị trấn	Thị trấn Vân Canh		28.257	5,43	nt	2027	
4	Trồng cây xanh trong trụ sở các cơ quan nhà nước	Thị trấn Vân Canh		332	0,06	nt	2027	
5	Xây dựng công viên cây xanh khu nhà truyền thống của huyện kết hợp dịch vụ	Thị trấn Vân Canh		16.682	3,20	nt	2027	
6	Trồng cây xanh trong trụ sở các cơ quan nhà nước	Thị trấn Vân Canh		542	0,11	nt	2028	
7	Trồng cây xanh các tuyến đường khu liên cơ quan hành chính huyện	Thị trấn Vân Canh		3.430	0,69	nt	2028	
8	Xây dựng công viên cây xanh khu liên cơ quan hành chính huyện	Thị trấn Vân Canh		3.755	0,78	nt	2029	
9	Xây dựng công viên tại khu phố Hiệp Giao	Thị trấn Vân Canh		18.600	4,02	nt	2030	
<b>10.2</b>	<b>Xã Canh Vinh:</b>		<b>V</b>	<b>401.436</b>	<b>32,77</b>			
1	Trồng cây xanh trong trụ sở, trường học, bệnh viện	Xã Canh Vinh		500	0,14	Nhà đầu tư	2026	
2	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu công nghiệp Becamex	Xã Canh Vinh		6.400	1,84	nt	2026	
3	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		7.000	2,01	nt	2026	
4	Trồng cây xanh cách ly khu công nghiệp Becamex Bình Định	Xã Canh Vinh		25.000	0,14	nt	2026	
5	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		12.000	0,07	nt	2026	
6	Xây dựng công viên khu dân cư Hiệp Vinh 1B	Xã Canh Vinh		52.914	0,30	nt	2026	
7	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu công nghiệp Becamex	Xã Canh Vinh		6.500	1,95	nt	2027	
8	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		6.000	1,80	nt	2027	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		7.750	2,33	nt	2027	
10	Trồng cây xanh cách ly khu công nghiệp Becamex Bình Định	Xã Canh Vinh		25.000	0,15	nt	2027	
11	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		12.000	0,07	nt	2027	
12	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		20.000	0,12	nt	2027	
13	Xây dựng công viên khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		12.000	3,45	nt	2027	
14	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu công nghiệp Becamex	Xã Canh Vinh		6.400	2,00	nt	2028	
15	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		2.740	0,86	nt	2028	
16	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		7.750	2,42	nt	2028	
17	Trồng cây xanh cách ly khu công nghiệp Becamex Bình Định	Xã Canh Vinh		25.000	0,16	nt	2028	
18	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Hiệp Vinh 2	Xã Canh Vinh		12.589	0,08	nt	2028	
19	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		30.000	0,19	nt	2028	
20	Xây dựng công viên khu dân cư Hiệp Vinh 2			16.690	4,80	nt	2028	
21	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu công nghiệp Becamex	Xã Canh Vinh		6.500	1,79	nt	2029	
22	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		2.710	0,88	nt	2029	
23	Trồng cây xanh cách ly khu công nghiệp Becamex Bình Định	Xã Canh Vinh		26.000	0,17	nt	2029	
24	Cây xanh chuyên dụng khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		32.833	0,21	nt	2029	
25	Xây dựng công viên khu dân cư Tân Vinh	Xã Canh Vinh		5.430	1,63	nt	2029	
26	Trồng cây xanh vỉa hè các tuyến đường khu công nghiệp Becamex	Xã Canh Vinh		9.380	3,05	nt	2030	
27	Trồng cây xanh cách ly khu công nghiệp Becamex Bình Định	Xã Canh Vinh		24.350	0,16	nt	2030	
<b>XI. Huyện Vĩnh Thạnh:</b>					<b>34.100</b>	<b>2,84</b>		
<b>11.1</b>	<b>Thị trấn Vĩnh Thạnh:</b>		<b>V</b>	<b>34.100</b>	<b>2,84</b>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Các tuyến đường khu dân cư Kon Kring	Thị trấn Vĩnh Thạnh		2.000	0,13	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	2026-2030	
2	Đường từ đường Nguyễn Huệ (bến xe) đến giáp đường Võ Văn Dũng (nhà ông Toàn kiểm lâm)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.500	0,13	nt	2026-2030	
3	Đường từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Võ Văn Dũng (giữa UBND huyện và Bàu Dum)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.100	0,07	nt	2026-2030	
4	Đường từ đường Nguyễn Huệ (nhà ông Lương Lê Pinh khu phố Định An) đến giáp đường bao phía Tây)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.200	0,08	nt	2026-2030	
5	Đường từ đường Nguyễn Huệ (nhà ông Nguyễn Văn Dịch khu phố Định An) đến nhà (ông Huỳnh Văn Khánh khu phố Định An)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.150	0,07	nt	2026-2030	
6	Đường từ đường Nguyễn Huệ (khu phố Định An) đến giáp đường kè Sông Kôn (Đường trước nhà văn hóa khu phố Định An)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		900	0,06	nt	2026-2030	
7	Đường từ góc phía Tây nhà ông Nguyễn Văn Thương đến phía Tây nhà ông Bùi Đức Thắng (khu phố Định An)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		300	0,03	nt	2026-2030	
8	Đường từ đường Xuân Diệu giáp nhà ông Từ Vương Nam (khu phố Định Tổ))	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.000	0,07	nt	2026-2030	
9	Đường từ nhà ông Đinh Đrin đến giáp nhà ông Trần Thanh Hoàng (khu phố Định Tổ)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		300	0,03	nt	2026-2030	
10	Đường từ đường trục Trung tâm huyện (nhà ông Đinh Xuân Tó Khu phố Định An) đến Trung tâm Y tế huyện	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.200	0,08	nt	2026-2030	
11	Đường phía Nam cây xăng Chí Tín (Từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Bùi Thị Xuân)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.250	0,07	nt	2026-2030	
12	Đường phía Tây bến xe	Thị trấn Vĩnh Thạnh		300	0,03	nt	2026-2030	
13	Đường ngang, dọc khu dân phía Bắc UBND thị trấn (Khu quy hoạch bán đấu giá)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		200	0,03	nt	2026-2030	
14	Đường khu dân cư Định Tổ 3 (sau nhà ông Từ Vương Việt)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		600	0,04	nt	2026-2030	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
15	Đường từ đường Nguyễn Huệ (đường giữa Huyện ủy và UBND huyện) đến giáp đường Bùi Thị Xuân	Thị trấn Vĩnh Thạnh		450	0,04	nt	2026-2030	
16	Đường từ đường Nguyễn Huệ (giữa Khối dân vận và Ban quản lý) đến đường Bùi Thị Xuân.	Thị trấn Vĩnh Thạnh		350	0,03	nt	2026-2030	
17	Đường từ đường Bùi Thị Xuân đến Khu phố KlotPok (phía Tây trường mẫu giáo) đến giáp kênh mương hồ Định Bình	Thị trấn Vĩnh Thạnh		4.100	0,25	nt	2026-2030	
18	Đường từ cầu Hà Ron 2 đến đường Võ Văn Dũng (Phía Tây Trung tâm y tế)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.250	0,07	nt	2026-2030	
19	Đường từ đường Bùi Thị Xuân (nhà ông Từ Thanh Long) đến giáp mương hồ Định Bình (khu phố KlotPok)	Thị trấn Vĩnh Thạnh		500	0,03	nt	2026-2030	
20	Đường (ĐH.29) từ đường Nguyễn Huệ (vật liệu Tán Đỏ) đến giáp đường Võ Văn Dũng	Thị trấn Vĩnh Thạnh		1.200	0,06	nt	2026-2030	
21	Đường từ ĐT 637 đến nhà ông Đinh Văn Toàn	Thị trấn Vĩnh Thạnh		350	0,03	nt	2026-2030	
22	Đầu tư hệ thống công viên công cộng năm 2026	Thị trấn Vĩnh Thạnh		2.800	0,32	nt	2026-2030	
23	Đầu tư hệ thống công viên công cộng năm 2027	Thị trấn Vĩnh Thạnh		2.700	0,30	nt	2026-2030	
24	Đầu tư hệ thống công viên công cộng năm 2028	Thị trấn Vĩnh Thạnh		2.100	0,25	nt	2026-2030	
25	Đầu tư hệ thống công viên công cộng năm 2029	Thị trấn Vĩnh Thạnh		2.100	0,25	nt	2026-2030	
26	Đầu tư hệ thống công viên công cộng và cây xanh via hè năm 2030	Thị trấn Vĩnh Thạnh		3.200	0,31	nt	2026-2030	
<b>TỔNG CỘNG:</b>					<b>3.120.825</b>	<b>586,93</b>		

*Ghi chú: Giá trị đầu tư nêu trên được tổng hợp từ các địa phương thống kê, dự trừ kinh phí. Trong đó bao gồm đầu tư các hạng mục HTKT và trồng cây xanh.*